

Số: 538/2021/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 14 tháng 01 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định phân cấp nhiệm vụ chi và định mức chi nhiệm vụ,
dự án về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Xét Tờ trình số 247/TTr-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết về quy định phân cấp nhiệm vụ chi và định mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 03/BC-HĐND ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này phân cấp nhiệm vụ chi và định mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, bao gồm: quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, khí

tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học và một số nhiệm vụ chi khác về tài nguyên môi trường. Các nội dung khác có liên quan không quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế thực hiện các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

Điều 2. Nguồn kinh phí

Sử dụng từ nguồn hoạt động kinh tế được phân bổ theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 3. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường cấp tỉnh

1. Quản lý đất đai

a) Điều tra, đánh giá đất đai của địa phương theo định kỳ và theo chuyên đề.

b) Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

c) Điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể của địa phương; lập bản đồ giá đất.

d) Lập, chỉnh lý bản đồ địa chính ở địa phương.

đ) Thống kê đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh.

e) Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai của địa phương theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có).

g) Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương.

2. Đo đạc và bản đồ

a) Các hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ yêu cầu quản lý của từng địa phương: thiết lập các điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng; xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng; thành lập bản đồ hành chính, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng;

b) Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính theo quy định của pháp luật.

c) Xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính.

3. Địa chất và khoáng sản

a) Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn.

b) Khoanh định khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của địa phương.

c) Lưu trữ, quản lý thông tin về khoáng sản của địa phương.

4. Tài nguyên nước

a) Điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn; kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, các nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

b) Điều tra, tổng hợp hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải, khí thải, chất thải khác vào nguồn nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, các nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

c) Hoạt động quan trắc, giám sát tài nguyên nước đối với nguồn nước nội tỉnh, các nguồn nước trên địa bàn tỉnh quản lý.

d) Xây dựng và duy trì hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn và các tác hại khác do nước gây ra thuộc phạm vi quản lý.

đ) Các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông nội tỉnh, các nguồn nước trên địa bàn tỉnh; điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên các lưu vực sông nội tỉnh; xây dựng danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước theo quy định.

e) Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước của địa phương.

5. Biển và hải đảo

a) Điều tra cơ bản tài nguyên biển và hải đảo thuộc phạm vi quản lý;

b) Các nhiệm vụ, dự án, đề án thuộc chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo quyết định của cấp có thẩm quyền, có tính chất chi từ nguồn kinh phí hoạt động kinh tế.

c) Quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ thuộc phạm vi quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

d) Điều tra, thống kê, phân loại, quản lý tài nguyên biển và hải đảo do địa phương quản lý.

d) Hoạt động quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của địa phương.

e) Thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương.

g) Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo của địa phương.

6. Khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu

a) Hoạt động trạm quan trắc khí tượng thủy văn của địa phương; điều tra; thu thập dữ liệu khí tượng thủy văn của địa phương;

b) Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thuộc hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của địa phương.

c) Giám sát biến đổi khí hậu đối với “tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội”.

d) Xây dựng, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu của địa phương.

7. Đa dạng sinh học

a) Chi hoạt động của Vườn Quốc gia Phú Quốc, Vườn Quốc gia U Minh Thượng.

b) Đánh giá hiện trạng, phân tích nguy cơ xâm hại và mức độ xâm hại và cô lập diệt trừ các loài ngoại lai xâm hại tại địa phương: tổ chức điều tra, xác định khu vực phân bố, lập kế hoạch cô lập và diệt trừ loài thuộc danh mục loài ngoại lai xâm hại tại địa phương.

c) Cứu hộ, tái thả động vật, thực vật hoang dã thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ về môi trường sinh sống tự nhiên, các khu bảo tồn; chi giám định, vận chuyển mẫu vật và tiêu hủy mẫu vật chết trong quá trình cứu hộ.

8. Viễn thám: xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu viễn thám (nếu có);

9. Các nhiệm vụ khác

a) Lập, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch các lĩnh vực thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch về tài nguyên môi trường; thống kê các chỉ tiêu tài nguyên môi trường của địa phương (không bao gồm thống kê lĩnh vực môi trường chỉ từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường).

c) Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá sản phẩm về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo,

khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, nhiệm vụ chi khác thuộc nhiệm vụ của địa phương.

d) Xây dựng, tích hợp, lưu trữ, quản lý cơ sở dữ liệu chung về tài nguyên của địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều tra, đánh giá, quản lý tài nguyên theo quy định của pháp luật chuyên ngành, nội dung có tính chất chi thường xuyên từ nguồn kinh phí chi hoạt động kinh tế.

đ) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật của lĩnh vực theo quy định của pháp luật chuyên ngành được chi từ nguồn hoạt động kinh tế; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên môi trường của địa phương theo nội dung chi từ nguồn chi hoạt động, kinh tế.

e) Sửa chữa lớn, mua sắm trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ chuyên môn đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực chi hoạt động kinh tế (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được Nhà nước đặt hàng theo giá tính đủ chi phí bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định).

g) Nhiệm vụ chi khác về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, chi khác của địa phương.

Điều 4. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường cấp huyện

1. Quản lý đất đai

a) Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện;

b) Thống kê đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện, cấp xã;

c) Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai của địa phương theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có);

d) Cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương.

2. Địa chất và khoáng sản: bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn huyện.

3. Tài nguyên nước: các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả do nước gây ra ở nguồn nước nội huyện.

4. Biển và hải đảo

a) Quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Hoạt động quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của địa phương.

c) Thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương.

5. Khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu: dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thuộc hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn địa phương.

6. Đa dạng sinh học: chi hoạt động của Ban Quản lý Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Phú Mỹ.

7. Các nhiệm vụ khác

a) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật của lĩnh vực theo quy định của pháp luật chuyên ngành được chỉ từ nguồn hoạt động kinh tế; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên môi trường của địa phương theo nội dung chỉ từ nguồn chi hoạt động, kinh tế.

b) Nhiệm vụ chi khác về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, chi khác của địa phương.

Điều 5. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường cấp xã

1. Địa chất và khoáng sản: bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn xã.

2. Biển và hải đảo

a) Quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương.

3. Các nhiệm vụ khác: tuyên truyền, phổ biến pháp luật của lĩnh vực theo quy định của pháp luật chuyên ngành được chỉ từ nguồn hoạt động kinh tế; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên môi trường của địa phương theo nội dung chỉ từ nguồn chi hoạt động, kinh tế.

Điều 6. Mức chi

Mức chi cụ thể nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường được quy định cụ thể tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khoá IX, Kỳ họp thứ Hai mươi sáu thông qua ngày 13 tháng 01 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 01 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (để đăng Công báo tỉnh);
- Lãnh đạo VP, các phòng, chuyên viên;
- Lưu: VT, ddqnhut.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh

Phụ lục

MỘT SỐ MỨC CHI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ VỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Nghị quyết số 538/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 01 năm 2021 của HĐND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Chi lập đề cương nhiệm vụ, dự án			Tùy theo mức độ phức tạp của nhiệm vụ dự án. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi cho phù hợp không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm theo quy chế của cấp có thẩm quyền quy định có nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện và ủy viên hội đồng mới được tính
a)	Lập đề cương nhiệm vụ	Nhiệm vụ	800 - 1.600	
b)	Lập đề cương dự án	Dự án	2.400 - 4.000	
2	Họp hội đồng xét duyệt đề cương nhiệm vụ, dự án	Buổi họp		
a)	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	400	
b)	Thành viên, thư ký	Người/buổi	240	
c)	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	120	Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương
d)	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500	
d)	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	400	
4	Điều tra, khảo sát			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	400	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
a)	Cá nhân	Phiếu	40	



STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
b)	Tổ chức	Phiếu	80	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài theo vụ việc nếu có)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 150% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
4.4	Chi cho người dẫn đường	Người/ngày	80	Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	Người/ngày	160	
5	Báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án	Báo cáo		
a)	Nhiệm vụ		4.000	Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, nhiệm vụ. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi cho phù hợp
b)	Dự án (<i>Riêng lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo khoản 2 Phần III phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC</i>)		8.000 - 12.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
6	Hội thảo (nếu có)			
a)	Người chủ trì	Người/buổi/ hội thảo	400	
b)	Thư ký hội thảo		240	
c)	Đại biểu được mời tham dự		100	
d)	Báo cáo tham luận	Bài viết	300	
7	Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ, dự án			
7.1	Nghiệm thu nhiệm vụ			
a)	Chủ tịch hội đồng	Người/buổi	320	
b)	Thành viên, thư ký		160	
7.2	Nghiệm thu dự án			
a)	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	560	
b)	Thành viên, thư ký hội đồng		320	
c)	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	420	
d)	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	320	
đ)	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	

